

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 76/2024/TT-BTC

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2024

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế

Căn cứ Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

Căn cứ Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

Căn cứ Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 153/2020/NĐ-CP), Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 65/2022/NĐ-CP) và Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 08/2023/NĐ-CP), bao gồm:

a) Chế độ công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước và phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế;

b) Chế độ báo cáo của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp, tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu, tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu.

2. Chế độ công bố thông tin, báo cáo của thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 30/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước và phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.

2. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp; tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp; đại diện người sở hữu trái phiếu; tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu.

3. Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
4. Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
5. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Điều 3. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và khoản 14 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP.
2. Nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
3. Hình thức công bố thông tin theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

Điều 4. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu, công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và khoản 15 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu thực hiện công bố thông tin định kỳ 6 tháng và hàng năm theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, khoản 16 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP và theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu thực hiện công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, khoản 17 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP và theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Hình thức công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu, công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 5. Công bố thông tin về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu thực hiện công bố thông tin về việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của trái phiếu kèm chứng quyền theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu thực hiện công bố thông tin về việc mua lại trước hạn, hoán đổi trái phiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hình thức công bố thông tin:

a) Đối với công bố thông tin trước đợt mua lại trái phiếu trước hạn và trước đợt hoán đổi trái phiếu: hình thức công bố thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

b) Đối với công bố thông tin về việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của trái phiếu kèm chứng quyền, kết quả mua lại trái phiếu trước hạn và kết quả hoán đổi trái phiếu: hình thức công bố thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 6. Hình thức công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu công bố thông tin cho nhà đầu tư mua trái phiếu theo tối thiểu một trong các hình thức sau:

a) Văn bản giấy;

b) Văn bản điện tử;

c) Đăng tải trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp phát hành.

2. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu công bố thông tin theo hình thức văn bản điện tử cho Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

Mục 2

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Điều 7. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và khoản 18 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hình thức công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

Điều 8. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và khoản 19 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hình thức công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

Điều 9. Công bố thông tin định kỳ

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, khoản 20 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP và bao gồm các nội dung sau:

a) Nội dung công bố thông tin định kỳ theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Nội dung công bố thông tin việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của trái phiếu kèm chứng quyền, kết quả mua lại trái phiếu trước hạn

và kết quả hoán đổi trái phiếu trong kỳ (nếu có) theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hình thức công bố thông tin định kỳ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

Mục 3

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN HỒ SƠ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU, TỔ CHỨC ĐẦU THẦU, BẢO LÃNH, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU, ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU, TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ TRÁI PHIẾU, SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VÀ TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Điều 10. Báo cáo của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu

1. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý và hàng năm về tình hình tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP.

2. Nội dung báo cáo: Theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. Kỳ báo cáo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với kỳ báo cáo năm và bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu quý đến ngày cuối của tháng cuối quý đó đối với kỳ báo cáo quý.

3. Nơi nhận, hình thức và phương thức gửi báo cáo: Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu gửi báo cáo theo hình thức văn bản giấy về Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý liền sau đối với báo cáo quý, chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

Điều 11. Báo cáo của tổ chức đầu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành tại thị trường trong nước

1. Tổ chức đầu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý và hàng năm về tình hình cung cấp dịch vụ đầu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP.

2. Nội dung báo cáo: Theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này. Kỳ báo cáo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với kỳ báo

cáo năm và bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu quý đến ngày cuối của tháng cuối quý đó đối với kỳ báo cáo quý.

3. Nơi nhận, hình thức và phương thức gửi báo cáo: Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp báo cáo theo hình thức văn bản điện tử cho Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

4. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý liền sau đối với báo cáo quý, chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

Điều 12. Báo cáo của đại diện người sở hữu trái phiếu

1. Đại diện người sở hữu trái phiếu gửi báo cáo định kỳ hàng quý và hàng năm theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP.

2. Nội dung báo cáo: Theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này. Kỳ báo cáo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với kỳ báo cáo năm và bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu quý đến ngày cuối của tháng cuối quý đó đối với kỳ báo cáo quý.

3. Nơi nhận, hình thức và phương thức gửi báo cáo: Đại diện người sở hữu trái phiếu gửi báo cáo theo hình thức văn bản giấy về Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và theo hình thức văn bản điện tử cho Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

4. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý liền sau đối với báo cáo quý, chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

5. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp phát hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của nhà đầu tư, trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện vi phạm, đại diện người sở hữu trái phiếu báo cáo đột xuất cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo hình thức văn bản giấy và văn bản điện tử (địa chỉ hòm thư: traiphieuriengle@ssc.gov.vn) và báo cáo theo hình thức văn bản điện tử cho Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để công bố trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 13. Báo cáo của tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu

1. Tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm về tình hình đăng ký, lưu ký trái phiếu, tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu, cơ cấu

nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu, việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đối với trái phiếu đang được đăng ký, lưu ký tại tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu cho đến thời điểm các trái phiếu này không còn đăng ký, lưu ký tại tổ chức đăng ký, lưu ký.

2. Nội dung báo cáo định kỳ (lũy kế từ ngày 01 tháng 01 đến ngày kết thúc quý/năm) theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hình thức báo cáo: Tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu gửi báo cáo theo hình thức văn bản điện tử cho Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

4. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau đối với báo cáo quý, chậm nhất là ngày 25 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

5. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều này đối với các trái phiếu đã phát hành trước khi Nghị định số 153/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và đang được đăng ký, lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cho đến khi các trái phiếu này không còn dư nợ.

Điều 14. Báo cáo định kỳ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

1. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP.

2. Nội dung báo cáo định kỳ theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này. Kỳ báo cáo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với kỳ báo cáo năm và bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu quý đến ngày cuối của tháng cuối quý đó đối với kỳ báo cáo quý.

3. Nơi nhận, hình thức và phương thức báo cáo: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam gửi báo cáo theo hình thức văn bản giấy và văn bản điện tử đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (địa chỉ hòm thư: traiphieuriengle@ssc.gov.vn); đồng thời, gửi nội dung báo cáo đến Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo hình thức văn bản điện tử tại chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp để Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tiếp tục tổng hợp, báo cáo về tình hình lưu ký và cơ cấu nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này.

4. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý liền sau đối với báo cáo quý, chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

Điều 15. Báo cáo định kỳ của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm về tình hình chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP bao gồm các nội dung sau:

a) Báo cáo về tình hình chào bán và giao dịch trái phiếu tại thị trường trong nước, tình hình chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế trong kỳ (lũy kế từ ngày 01 tháng 01 đến ngày kết thúc quý hoặc năm đó). Riêng đối với báo cáo cuối quý 2 và báo cáo năm, bổ sung nội dung về tình hình tài chính của doanh nghiệp phát hành. Nội dung báo cáo theo các biểu mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Đánh giá, nhận xét về tình hình chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp trong kỳ và lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo bao gồm: tình hình chào bán trái phiếu doanh nghiệp; việc tuân thủ chế độ công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành; việc tuân thủ chế độ báo cáo của các tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu; tình hình giao dịch trái phiếu; tình hình thực hiện thanh toán gốc, lãi trái phiếu; tình hình thực hiện chuyển đổi, thực hiện quyền, mua lại trái phiếu trước hạn và hoán đổi trái phiếu.

2. Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tiếp tục thực hiện báo cáo về tình hình đăng ký, lưu ký trái phiếu, tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu, cơ cấu nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu, việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các tổ chức đăng ký, lưu ký (bao gồm Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) theo quy định tại Điều 13 Thông tư này và báo cáo của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Điều 14 Thông tư này. Việc báo cáo thực hiện cho đến thời điểm các tổ chức đăng ký, lưu ký (bao gồm Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) không còn nghĩa vụ báo cáo theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

3. Nơi nhận, hình thức và phương thức báo cáo: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội gửi báo cáo theo hình thức văn bản giấy và văn bản điện tử đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (địa chỉ hòm thư: traiphieuriengle@ssc.gov.vn).

4. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Đối với báo cáo quý, thời hạn gửi báo cáo chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu tiên của quý liền sau. Riêng đối với báo cáo cuối quý 2, thời hạn báo cáo chậm nhất là ngày 20 tháng 9 của năm báo cáo;

b) Đối với báo cáo năm, thời hạn gửi báo cáo chậm nhất là ngày 29 tháng 4 năm sau.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2024.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP, Nghị định số 08/2023/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này, Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó.

3. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, các

doanh nghiệp phát hành, tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu, tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi

(Kèm theo Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

4. Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá): số lượng trái phiếu phát hành x mệnh giá

5. Kết quả xếp hạng tín nhiệm trong trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm theo quy định của pháp luật; hoặc kết quả xếp hạng tín nhiệm (nếu có) trong trường hợp không bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm.

- ☐ Có xếp hạng tín nhiệm thuộc trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm
- ☐ Có xếp hạng tín nhiệm thuộc trường hợp không bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm
- ☐ Không có xếp hạng tín nhiệm

(Nếu có xếp hạng tín nhiệm thì nêu cụ thể kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành hoặc trái phiếu phát hành tại thời điểm công bố thông tin, ngày công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm và tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xếp hạng tín nhiệm)

6. Loại hình trái phiếu (*trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu có bảo đảm, trái phiếu kèm chứng quyền, trái phiếu không chuyển đổi và không kèm chứng quyền, trái phiếu không có bảo đảm*):

7. Ngày phát hành dự kiến:

8. Thời gian dự kiến tổ chức đợt chào bán: từ ngày... đến ngày...

9. Số tài khoản nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán:

- Tên tài khoản của doanh nghiệp phát hành:

- Số tài khoản của doanh nghiệp phát hành:

- Mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

10. Các tổ chức liên quan đến đợt chào bán:

a) Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán:

- Công ty:..... (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử).

b) Tổ chức bảo lãnh phát hành chính (nếu có):

- Công ty:..... (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử).

c) Tổ chức đồng bảo lãnh phát hành (nếu có):

- Công ty:..... (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử).

- Công ty:..... (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử).

d) Tổ chức đại lý phát hành (nếu có):

- Công ty:..... (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử).

đ) Tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có):

- Công ty:..... (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử).

e) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận tiền mua trái phiếu của nhà đầu tư:

- Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:..... (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử)

g) Tổ chức đại lý quản lý tài sản đảm bảo đối với trái phiếu có bảo đảm (nếu có):

- Công ty:..... (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử).

h) Tổ chức xếp hạng tín nhiệm (nếu có):

- Công ty:..... (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử).

i) Tổ chức tư vấn, chứng nhận tiêu chuẩn phát hành trái phiếu xanh (đối với phát hành trái phiếu xanh).

- Công ty:..... (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử).

k) Các tổ chức khác liên quan đến đợt chào bán trái phiếu (nếu có):

- Công ty:..... (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử).

Phần 2

NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

1. Doanh nghiệp phát hành:

- Ông/Bà:..... Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

- Ông/Bà:..... Chức vụ: Giám đốc (Tổng giám đốc)
- Ông/Bà:..... Chức vụ: Kế toán trưởng (Giám đốc Tài chính)
- Ông/Bà:..... Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát (nếu có)
- Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền): Ông/Bà:... Chức vụ:...

Theo Giấy ủy quyền số... ngày... tháng... năm... của Người đại diện theo pháp luật (*trường hợp đại diện được ủy quyền*).

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm tập thể và cá nhân trước pháp luật về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu

- Tên tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu:.....
- Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền): Ông/Bà:.....
..... Chức vụ:.....

Theo Giấy ủy quyền số... ngày... tháng... năm... của Người đại diện theo pháp luật (*trường hợp đại diện được ủy quyền*)

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ chào bán trái phiếu riêng lẻ (*tên Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu*) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số... ngày... tháng... năm... với... (*tên Tổ chức phát hành*).

Căn cứ quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2023 sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế và pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp, (*tên Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu*) đã rà soát việc đáp ứng đầy đủ quy định về điều kiện chào bán và

hồ sơ chào bán trái phiếu và xác nhận (*tên Tổ chức phát hành*) đáp ứng đầy đủ điều kiện và hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp.

(*Tên Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu*) chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả rà soát của mình theo đúng quy định của pháp luật.

3. Địa chỉ liên hệ của doanh nghiệp phát hành để cung cấp các hồ sơ chào bán trái phiếu, trong đó bao gồm hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp phát hành và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến đợt chào bán trái phiếu theo yêu cầu của nhà đầu tư quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP:

- Họ và tên:
- Chức vụ:
- Số điện thoại:
- Địa chỉ liên hệ:
- Địa chỉ thư điện tử:

Phần 3

THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển: *nêu rõ tên doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp (công ty đại chúng, công ty cổ phần chưa đại chúng, công ty trách nhiệm hữu hạn), ngành nghề kinh doanh chính, thời gian hoạt động kể từ ngày được cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là doanh nghiệp hình thành sau tổ chức lại doanh nghiệp, nêu rõ tên doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật, ngành nghề kinh doanh trước khi tổ chức lại.*

2. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp:

a) Nêu rõ về tổ chức, bộ máy:

b) Vị trí của doanh nghiệp (Doanh nghiệp độc lập hay doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con):

- Trường hợp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con: danh sách công ty mẹ và công ty con của doanh nghiệp phát hành, những công ty mà doanh nghiệp phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với doanh nghiệp phát hành;

- Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng: (tên, sơ yếu lý lịch).

3. Tóm tắt hoạt động kinh doanh chính và/hoặc các dự án chính đã/đang triển khai của doanh nghiệp phát hành.

4. Chính sách chia lợi nhuận hoặc cổ tức (nêu rõ tỷ lệ lợi nhuận đã chia hoặc tỷ lệ cổ tức trong hai năm gần nhất và các chính sách liên quan đến việc chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức): Chỉ áp dụng đối với trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc kèm theo chứng quyền.

5. Tình hình tài chính

a) Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong 3 năm liền kề trước năm phát hành theo báo cáo tài chính (*trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, các chỉ tiêu tài chính sử dụng số liệu theo báo cáo tài chính hợp nhất, đồng thời ghi rõ nguồn báo cáo*)

Chỉ tiêu	Năm...	Năm...	Năm...
1. Vốn chủ sở hữu (đồng)			
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế			
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
- Chênh lệch tỷ giá			
- ...			
2. Tổng số nợ phải trả (đồng)			
- Nợ vay ngân hàng			

Chỉ tiêu	Năm...	Năm...	Năm...
- Nợ vay từ phát hành trái phiếu + Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước + Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước + Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế - Nợ phải trả khác (Nêu cụ thể các khoản nợ phải trả) 3. Cơ cấu vốn (lần): - Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản - Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu 4. Khả năng thanh toán (lần): - Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) - Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn - hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn) - Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay) 5. Tổng dư nợ trái phiếu/vốn chủ sở hữu (lần): - Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/Vốn chủ sở hữu - Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/Vốn chủ sở hữu 6. Lợi nhuận (đồng): - Lợi nhuận/Lỗ trước thuế - Lợi nhuận/Lỗ sau thuế trong năm tài chính - Lỗ lũy kế (nếu có)			

Chỉ tiêu	Năm...	Năm...	Năm...
7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%): - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu 8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành (doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán...) (nếu có)			

** Trường hợp trái phiếu/khoản vay bằng ngoại tệ thì sử dụng tỷ giá quy đổi tại thời điểm lập báo cáo, theo tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.*

*** Đối với các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành có quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính, phải nêu rõ: loại hình doanh nghiệp, các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định tại pháp luật chuyên ngành, các chỉ tiêu theo báo cáo tài chính được kiểm toán và nêu rõ doanh nghiệp có đáp ứng được chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật không.*

b) Tình hình thanh toán lãi, gốc của toàn bộ các trái phiếu đã chào bán và đã đến hạn thanh toán và tình hình thanh toán lãi, gốc các khoản nợ đến hạn (không bao gồm nợ trái phiếu) trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu (trong đó nêu chi tiết việc có thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi hay không).

6. Tình hình phát hành và sử dụng vốn đối với các trái phiếu còn dư nợ (cụ thể từng loại trái phiếu gồm: trái phiếu phát hành riêng lẻ, phát hành ra công chúng, trái phiếu phát hành ra thị trường quốc tế):

- Tổng khối lượng trái phiếu đã phát hành:
- Tổng giá trị trái phiếu đã phát hành:
- Lãi, gốc trái phiếu đã thanh toán:
- Dư nợ trái phiếu còn lại:
- Tình hình sử dụng vốn trái phiếu và kế hoạch thanh toán lãi, gốc trái phiếu:

- Vi phạm pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cơ quan nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu (nếu có): nêu rõ loại vi phạm, cơ quan ra quyết định vi phạm, biện pháp khắc phục, tình trạng đã khắc phục.

- Tổng giá trị trái phiếu phát hành theo mệnh giá huy động trong mỗi 12 tháng:....., bao gồm:

+ Tổng giá trị trái phiếu phát hành ra công chúng theo mệnh giá huy động trong mỗi 12 tháng:....

+ Tổng giá trị trái phiếu phát hành riêng lẻ theo mệnh giá huy động trong mỗi 12 tháng:....

+ Tổng giá trị trái phiếu phát hành ra thị trường quốc tế theo mệnh giá huy động trong mỗi 12 tháng:....

- Tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu theo mệnh giá trong mỗi 12 tháng so với vốn chủ sở hữu:

+ Tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu phát hành ra công chúng theo mệnh giá trong mỗi 12 tháng so với vốn chủ sở hữu:

+ Tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu phát hành riêng lẻ theo mệnh giá trong mỗi 12 tháng so với vốn chủ sở hữu:

+ Tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu phát hành ra thị trường quốc tế theo mệnh giá trong mỗi 12 tháng so với vốn chủ sở hữu:

7. Ý kiến kiểm toán/ý kiến soát xét đối với báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

II. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

1. Căn cứ pháp lý của đợt chào bán (nêu đầy đủ căn cứ pháp lý).

2. Việc đáp ứng các điều kiện phát hành trái phiếu của doanh nghiệp: *(nêu rõ việc đáp ứng từng điều kiện chào bán trái phiếu kèm theo hồ sơ và tài liệu chứng minh theo quy định của pháp luật)*

3. Mục đích của đợt phát hành trái phiếu *(nêu rõ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP)*

(Liệt kê chi tiết các tài liệu pháp lý về mục đích phát hành trái phiếu đính kèm tại Phụ lục 7 của Bản công bố thông tin)

4. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu, cụ thể:

a) Khối lượng trái phiếu dự kiến phát hành:

- Số lượng trái phiếu dự kiến phát hành (trái phiếu):

- Giá trị trái phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá (đồng):

b) Kỳ hạn trái phiếu:

c) Đồng tiền phát hành và thanh toán:

d) Mệnh giá:

đ) Hình thức trái phiếu:

e) Lãi suất danh nghĩa dự kiến: *(trường hợp lãi suất thả nổi, lãi suất kết hợp thì nêu cách thức xác định lãi suất)*

g) Loại hình trái phiếu:

h) Phương thức thanh toán lãi, gốc trái phiếu:

5. Ngày phát hành dự kiến *(nêu rõ ngày, tháng, năm cụ thể)*:

6. Thị trường phát hành *(đối với phát hành ra thị trường quốc tế)*:

7. Phương thức phát hành:

8. Đối tượng chào bán trái phiếu theo quy định của pháp luật *(đánh dấu cụ thể những đối tượng chào bán trái phiếu)*

☐ Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức

☐ Nhà đầu tư chiến lược là tổ chức

☐ Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân

☐ Nhà đầu tư chiến lược là cá nhân

9. Quyền lợi và trách nhiệm của nhà đầu tư:

Quyền lợi và trách nhiệm của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (doanh nghiệp phải nêu đầy đủ, chi tiết các quyền lợi, trách nhiệm của nhà đầu tư, trong đó nêu cụ thể tỷ lệ biểu quyết chấp thuận các vấn đề phải được người sở hữu trái phiếu thông qua nhưng không thấp hơn tỷ lệ biểu quyết tương ứng từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP).

Nhà đầu tư có quyền được yêu cầu tiếp cận hồ sơ chào bán trái phiếu của doanh nghiệp trong đó bao gồm hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp phát hành và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến đợt chào bán trái phiếu và thực hiện các quyền lợi, trách nhiệm khác theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP và pháp luật liên quan.

10. Phương thức thực hiện quyền (*trong trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi, phát hành trái phiếu kèm chứng quyền*).

- Các quyền kèm theo trái phiếu;
- Điều kiện, thời gian thực hiện quyền;
- Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá mua và/hoặc chuyển đổi;
- Phương pháp tính và cách thức đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền;
- Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu chứng quyền.

11. Cam kết về bảo đảm (*trong trường hợp phát hành trái phiếu có bảo đảm*)

- Hình thức bảo đảm (*bảo đảm thanh toán toàn bộ hoặc một phần lãi, gốc bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; hoặc được bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo cam kết bảo lãnh giữa tổ chức bảo lãnh thanh toán và tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật*):

- Tài sản bảo đảm (*liệt kê chi tiết tài sản, giá trị tài sản, tình trạng pháp lý của tài sản, tên tổ chức định giá, hợp đồng bảo hiểm (nếu có), thông tin đăng ký biện pháp bảo đảm, thứ tự thanh toán của nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu khi xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ...)*:

- Tài liệu về tài sản đảm bảo (*liệt kê chi tiết các tài liệu về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm, tài liệu định giá tài sản bảo đảm bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá và tài liệu về đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm đính kèm tại Phụ lục 8 của Bản công bố thông tin*):

STT	Hình thức bảo đảm	Loại tài sản bảo đảm (Chứng khoán/Bất động sản/ Chương trình dự án/Tài sản cố định/ Khác)	Liệt kê chi tiết tài sản bảo đảm/Hợp đồng bảo lãnh thanh toán (nếu có) *	Giá trị tài sản bảo đảm hoặc Giá trị được bảo lãnh thanh toán theo hợp đồng (đồng)	Tỷ lệ giá trị tài sản bảo đảm hoặc Giá trị được bảo lãnh thanh toán theo hợp đồng/Tổng giá trị phát hành dự kiến (%)	Thông tin chi tiết về hình thức bảo đảm (liệt kê chi tiết tên tổ chức định giá, cách tính, thông tin đăng ký biện pháp bảo đảm, thứ tự thanh toán của nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu khi xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ...)
	Bảo đảm bằng tài sản					
1	Bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành					
2	Bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ					
	Bảo lãnh thanh toán					
3	Bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài					
4	Bảo lãnh thanh toán của tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật					

(*) Trường hợp có nhiều tài sản bảo đảm/hợp đồng bảo lãnh thanh toán, đề nghị tách các dòng riêng biệt

12. Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu (nêu rõ phương án mua lại hoặc hoán đổi).

13. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đối với phát hành trái phiếu chuyển đổi và phát hành trái phiếu kèm chứng quyền.

14. Kết quả xếp hạng tín nhiệm trong trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm theo quy định của pháp luật; hoặc kết quả xếp hạng tín nhiệm (nếu có) trong trường hợp không bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm.

☐ Có xếp hạng tín nhiệm thuộc trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm

☐ Có xếp hạng tín nhiệm thuộc trường hợp không bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm

☐ Không có xếp hạng tín nhiệm

(Nếu có xếp hạng tín nhiệm thì nêu cụ thể kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành hoặc trái phiếu phát hành tại thời điểm công bố thông tin, ngày công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm và tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xếp hạng tín nhiệm)

15. Ý kiến của tổ chức xác nhận việc đáp ứng các tiêu chí về phát hành trái phiếu xanh (trong trường hợp chào bán trái phiếu xanh).

16. Trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu.

17. Cam kết của doanh nghiệp phát hành trái phiếu.

18. Các điều khoản và điều kiện khác (nếu có).

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN VÀ KẾ HOẠCH THANH TOÁN GỐC LÃI CHO NHÀ ĐẦU TƯ

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu: (nêu rõ thời gian và giá trị giải ngân nguồn vốn từ phát hành trái phiếu).

1.1. Thông tin về chương trình, dự án sử dụng vốn/khoản nợ cần tái cơ cấu từ nguồn vốn phát hành trái phiếu, bao gồm:

a) Đối với chương trình/dự án đầu tư sử dụng vốn:

- Cơ sở pháp lý để triển khai chương trình/dự án đầu tư: các tài liệu pháp lý để triển khai dự án theo quy định (quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án, tài liệu pháp lý về quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép xây dựng...), đồng thời cập nhật tình hình phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

- Tình hình triển khai chương trình/dự án đầu tư đến thời điểm công bố thông tin (các hạng mục đã hoàn thành, đang triển khai, dự kiến triển khai, thời gian dự kiến đưa vào hoạt động, khai thác), giải trình những thay đổi so với phương án đã phê duyệt (nếu có);

- Tình hình thu xếp vốn đối với chương trình/dự án đầu tư (nêu rõ vốn tự có, vốn vay, vốn huy động khác...); giải trình những thay đổi về tổng vốn đầu tư, cơ cấu vốn so với phương án đã được phê duyệt; phương án bù đắp vốn trong trường hợp điều chỉnh tổng mức đầu tư, cơ cấu vốn;

- Các rủi ro đầu tư của chương trình, dự án.

b) Đối với khoản nợ được cơ cấu lại:

- Giá trị của khoản nợ;

- Kỳ hạn của khoản nợ được cơ cấu.

1.2. Thông tin về mục đích sử dụng vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

1.3. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời nhàn rỗi trong trường hợp giải ngân theo tiến độ nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu.

2. Phương thức, kế hoạch, dự kiến dòng tiền thanh toán gốc, lãi cho nhà đầu tư:

Riêng đối với trái phiếu xanh, ngoài việc nêu rõ phương thức, kế hoạch, dự kiến dòng tiền thanh toán gốc, lãi cho nhà đầu tư còn phải nêu rõ danh mục dự án sử dụng vốn thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, dự án mang lại lợi ích về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; quy trình hạch toán, quản lý, giải ngân vốn từ đợt chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

3. Đánh giá về tình hình tài chính và khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp, khả năng trả nợ đối với trái phiếu dự kiến phát hành.

IV. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Nêu rõ tên, mã số thuế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử, người đại diện theo pháp luật/người được ủy quyền của các tổ chức liên quan đến đợt chào bán: tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu; tổ chức đấu thầu, bảo lãnh phát hành hoặc đại lý

phát hành (nếu có); tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có); ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận tiền mua trái phiếu của nhà đầu tư, tổ chức quản lý tài sản bảo đảm (nếu có), tổ chức xếp hạng tín nhiệm (nếu có)...

V. CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

Doanh nghiệp phát hành thông kê, giải thích các yếu tố rủi ro có thể xảy ra ảnh hưởng đến doanh nghiệp và đợt phát hành trái phiếu, bao gồm các rủi ro về luật pháp, rủi ro về đầu tư, rủi ro về hoạt động sản xuất kinh doanh, rủi ro về tài chính, rủi ro sử dụng vốn, rủi ro khác.

VI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN); TỔ CHỨC TƯ VẤN HỒ SƠ CHÀO BÁN; TỔ CHỨC ĐẤU THẦU PHÁT HÀNH (nếu có); TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH (nếu có); TỔ CHỨC ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH (nếu có); và NGÀY THÁNG, CHỨC DANH, CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI LẬP BIỂU

VII. PHỤ LỤC

(Kèm theo Bản công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu)

1. Phụ lục 1: Bản sao có chứng thực của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương; Bản sao Quyết định bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật, Kế toán trưởng của doanh nghiệp.

2. Phụ lục 2: Bản sao Điều lệ công ty có chứng thực của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Phụ lục 3: Bản sao các báo cáo tài chính, báo cáo tài chính được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính soát xét có chứng thực của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Phụ lục 4: Các báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với các trái phiếu còn dư nợ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện.

5. Phụ lục 5: Bản sao có chứng thực của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với Phương án phát hành trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận kèm theo văn bản phê duyệt, chấp thuận.

6. Phụ lục 6: Bản sao có chứng thực của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với công văn xác nhận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khối lượng phát hành nằm trong hạn mức vay thương mại quốc gia (trường hợp phát hành ra thị trường quốc tế).

7. Phụ lục 7: Các tài liệu pháp lý về mục đích phát hành trái phiếu theo nội dung nêu tại mục II.3.

8. Phụ lục 8: Tài liệu về tài sản bảo đảm (trong trường hợp trái phiếu có tài sản đảm bảo) theo nội dung nêu tại mục II.11.

9. Phụ lục 9: Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu hoặc kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu đăng ký chào bán trong trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm theo quy định của pháp luật; hoặc kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp hoặc trái phiếu đăng ký chào bán trong trường hợp không bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm (nếu có).

10. Phụ lục 10: Văn bản xác nhận của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc doanh nghiệp mở tài khoản để nhận tiền mua trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền hoặc mở tài khoản phong tỏa để nhận tiền mua trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của đợt chào bán; hoặc văn bản thông báo số tài khoản nhận tiền của ngân hàng thương mại trường hợp tổ chức phát hành là ngân hàng thương mại (trong trường hợp phát hành trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước).

11. Phụ lục 11: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật (trong trường hợp phát sinh).

12. Phụ lục 12: Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác.

13. Các phụ lục khác (nếu có).

() Trường hợp có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố trước khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái*

phiếu, doanh nghiệp phát hành trái phiếu phải công bố thông tin bất thường cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều 22 và Điều 31 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, khoản 3, khoản 17, khoản 20 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

*(**) Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin để thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 32 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP, không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho đợt phát hành trái phiếu của doanh nghiệp.*

Phụ lục II
CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU
*(Kèm theo Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Số mẫu biểu	Tên mẫu biểu
Mẫu số 2.1	Mẫu công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu đối với chào bán trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước
Mẫu số 2.2	Mẫu công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu đối với chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế

Mẫu số 2.1. Chào bán tại thị trường trong nước
CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ
DOANH NGHIỆP:.....
THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ
..., ngày... tháng... năm...

I. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:
- Mã số thuế:
- Kết quả xếp hạng tín nhiệm trong trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm theo quy định của pháp luật; hoặc kết quả xếp hạng tín nhiệm (nếu có) trong trường hợp không bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm.

(Nếu có xếp hạng tín nhiệm thì nêu cụ thể kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành hoặc trái phiếu phát hành cập nhật tại thời điểm công bố thông tin, ngày công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm và tên doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm)

2. Mã trái phiếu (Nguyên tắc đánh mã trái phiếu thực hiện theo hướng dẫn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam):

3. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu:

- Khối lượng trái phiếu phát hành (số lượng trái phiếu và giá trị phát hành):
- Kỳ hạn:

- Đồng tiền phát hành và thanh toán:
- Mệnh giá:
- Loại hình trái phiếu:
- Hình thức trái phiếu:
- Lãi suất danh nghĩa và kỳ hạn trả lãi:
- Lãi suất phát hành thực tế:

4. Số tiền thu được từ chào bán trái phiếu:..... đồng, tại tài khoản số....., ... (tên tài khoản), mở tại..... (tên ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)

5. Ngày phát hành:

6. Ngày hoàn thành đợt chào bán:

7. Ngày đáo hạn:

8. Mục đích phát hành (*nêu cụ thể mục đích phát hành và việc sử dụng số tiền thu được từ phát hành trái phiếu*)

9. Phương thức phát hành

10. Đối tượng nhà đầu tư của đợt chào bán trái phiếu theo quy định của pháp luật (*đánh dấu cụ thể đối tượng nhà đầu tư mua trái phiếu*)

☐ Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức ☐ Nhà đầu tư chiến lược là tổ chức

☐ Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân ☐ Nhà đầu tư chiến lược là cá nhân

11. Phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu (*nêu cụ thể kỳ trả lãi, gốc*)

Kế hoạch thanh toán lãi, gốc trái phiếu

STT	Mã trái phiếu	Loại thanh toán (Gốc/Lãi)	Ngày thanh toán danh nghĩa
Kỳ 1			
Kỳ...			

12. Quyền của nhà đầu tư sở hữu trái phiếu:

13. Phương thức thực hiện quyền (*trong trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi, phát hành trái phiếu có kèm chứng quyền*):

- Các quyền kèm theo trái phiếu;
- Điều kiện, thời gian thực hiện quyền;
- Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá mua và/hoặc chuyển đổi;
- Phương pháp tính và cách thức đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền;
- Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu chứng quyền.

14. Cam kết về bảo đảm (trong trường hợp phát hành trái phiếu có bảo đảm)

- Hình thức bảo đảm:

STT	Hình thức bảo đảm	Loại tài sản bảo đảm (<i>nêu rõ chứng khoán/Bất động sản/Chương trình dự án/Tài sản cố định/Khác</i>)	Liệt kê chi tiết tài sản bảo đảm/Hợp đồng bảo lãnh thanh toán (nếu có) *	Giá trị tài sản bảo đảm hoặc Giá trị được bảo lãnh thanh toán theo hợp đồng (đồng)	Tỷ lệ giá trị tài sản bảo đảm hoặc Giá trị được bảo lãnh thanh toán theo hợp đồng/Tổng giá trị phát hành (%)	Thông tin chi tiết về hình thức bảo đảm (liệt kê chi tiết tên tổ chức định giá, cách tính, thông tin đăng ký biện pháp bảo đảm, thứ tự thanh toán của nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu khi xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ...)
	Bảo đảm bằng tài sản					
1	Bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành					
2	Bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ					
	Bảo lãnh thanh toán					
3	Bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài					

STT	Hình thức bảo đảm	Loại tài sản bảo đảm (nêu rõ chứng khoán/Bất động sản/Chương trình dự án/Tài sản cố định/Khác)	Liệt kê chi tiết tài sản đảm bảo/Hợp đồng bảo lãnh thanh toán (nếu có) *	Giá trị tài sản bảo đảm hoặc Giá trị được bảo lãnh thanh toán theo hợp đồng (đồng)	Tỷ lệ giá trị tài sản bảo đảm hoặc Giá trị được bảo lãnh thanh toán theo hợp đồng/Tổng giá trị phát hành (%)	Thông tin chi tiết về hình thức bảo đảm (liệt kê chi tiết tên tổ chức định giá, cách tính, thông tin đăng ký biện pháp bảo đảm, thứ tự thanh toán của nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu khi xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ...)
4	Bảo lãnh thanh toán của tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật					

(*) Trường hợp có nhiều tài sản bảo đảm/hợp đồng bảo lãnh thanh toán, đề nghị tách thành các dòng riêng biệt

15. Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu.

II. NHÀ ĐẦU TƯ MUA TRÁI PHIẾU

1. Danh sách nhà đầu tư mua trái phiếu

(Liệt kê cụ thể tên các nhà đầu tư mua trái phiếu)

STT	Nhà đầu tư mua trái phiếu	Giá trị mua (đồng)	Tỷ trọng theo giá trị mua (%)
I	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật		
1	Nhà đầu tư trong nước		
1.1	Nhà đầu tư tổ chức		
	...		
	...		
1.2	Nhà đầu tư cá nhân		
	...		
	...		

STT	Nhà đầu tư mua trái phiếu	Giá trị mua (đồng)	Tỷ trọng theo giá trị mua (%)
2	Nhà đầu tư nước ngoài		
2.1	Nhà đầu tư tổ chức		
	...		
	...		
2.2	Nhà đầu tư cá nhân		
	...		
	...		
II	Nhà đầu tư chiến lược (đối với trái phiếu chuyển đổi, kèm chứng quyền)		
	Tổng		100%

2. Cơ cấu nhà đầu tư mua trái phiếu

STT	Nhà đầu tư mua trái phiếu	Số lượng nhà đầu tư	Giá trị mua (đồng)	Tỷ trọng theo giá trị mua (%)
I	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật			
1	Nhà đầu tư trong nước			
1.1	Nhà đầu tư tổ chức			
	a) Tổ chức tín dụng (theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng)			
	b) Công ty chứng khoán			
	c) Quỹ đầu tư chứng khoán			
	d) Doanh nghiệp bảo hiểm			
	e) Các tổ chức khác			
1.2	Nhà đầu tư cá nhân			
	Tổng nhà đầu tư trong nước			

STT	Nhà đầu tư mua trái phiếu	Số lượng nhà đầu tư	Giá trị mua (đồng)	Tỷ trọng theo giá trị mua (%)
2	Nhà đầu tư nước ngoài			
2.1	Nhà đầu tư tổ chức			
	a) Tổ chức tín dụng			
	b) Công ty chứng khoán			
	c) Quỹ đầu tư chứng khoán			
	d) Doanh nghiệp bảo hiểm			
	e) Các tổ chức khác			
2.2	Nhà đầu tư cá nhân			
	<i>Tổng nhà đầu tư nước ngoài</i>			
II	Nhà đầu tư chiến lược			
	Tổng			100%

III. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

Nêu rõ tên, mã số thuế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử, người đại diện theo pháp luật/người được ủy quyền của các tổ chức liên quan đến đợt chào bán: tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu; tổ chức đấu thầu, bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành (nếu có); tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có); ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận tiền mua trái phiếu của nhà đầu tư, tổ chức quản lý tài sản bảo đảm (nếu có), tổ chức xếp hạng tín nhiệm (nếu có)...

IV. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ CỦA DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH ĐỂ CUNG CẤP HỒ SƠ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU TRONG ĐÓ BAO GỒM HỢP ĐỒNG KÝ KẾT GIỮA DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH VÀ CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU theo yêu cầu của nhà đầu tư quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP:

- Họ và tên:

- Chức vụ:

- Số điện thoại:
- Địa chỉ liên hệ:
- Địa chỉ thư điện tử:

(Tên doanh nghiệp phát hành trái phiếu) cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác, đầy đủ của thông tin công bố nêu trên.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Tài liệu kèm theo bao gồm:

Văn bản của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu xác nhận tiền thu được từ chào bán trái phiếu đã được chuyển vào tài khoản nhận tiền mua trái phiếu của doanh nghiệp phát hành. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là ngân hàng thương mại, phải có văn bản xác nhận của ngân hàng đó về việc đã nhận đủ tiền thu từ phát hành trái phiếu.

Mẫu số 2.2. Chào bán ra thị trường quốc tế
CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU
RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

DOANH NGHIỆP:.....

THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA
THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

..., ngày... tháng... năm...

I. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

1. Thông tin về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:
- Mã số thuế:
- Kết quả xếp hạng tín nhiệm (nếu có):

2. Mã trái phiếu:

3. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu:

- Khối lượng trái phiếu phát hành (*Số lượng trái phiếu và Giá trị phát hành*):
- Kỳ hạn:
- Đồng tiền phát hành và thanh toán:
- Mệnh giá:
- Loại hình trái phiếu:
- Hình thức trái phiếu:
- Lãi suất danh nghĩa và kỳ hạn trả lãi:
- Lãi suất phát hành thực tế:

4. Ngày phát hành:
5. Ngày hoàn thành đợt chào bán:
6. Ngày đáo hạn:
7. Thị trường phát hành:
8. Mục đích phát hành (*nêu cụ thể mục đích phát hành và dự kiến số tiền sử dụng từ phát hành trái phiếu*)
9. Phương thức phát hành:
10. Phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu:
Kế hoạch thanh toán lãi, gốc trái phiếu

STT	Mã trái phiếu	Loại thanh toán (Gốc/Lãi)	Ngày thanh toán danh nghĩa
Kỳ 1			
Kỳ...			

11. Phương thức thực hiện quyền (*trong trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi, phát hành trái phiếu có kèm chứng quyền*)

- Các quyền kèm theo trái phiếu;
- Điều kiện, thời gian thực hiện quyền;
- Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá mua và/hoặc chuyển đổi;
- Phương pháp tính và cách thức đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền;
- Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu chứng quyền.

12. Cam kết về bảo đảm (trong trường hợp phát hành trái phiếu có bảo đảm)

- Hình thức bảo đảm:

STT	Hình thức bảo đảm	Giá trị phát hành có bảo đảm (*)	Tỷ trọng Giá trị phát hành có bảo đảm/Giá trị phát hành (%)
	Bảo đảm bằng tài sản		
1	Bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành		

STT	Hình thức bảo đảm	Giá trị phát hành có bảo đảm (*)	Tỷ trọng Giá trị phát hành có bảo đảm/Giá trị phát hành (%)
2	Bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ		
	Bảo lãnh thanh toán		
3	Bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài		
4	Bảo lãnh thanh toán của tổ chức tài chính ở nước ngoài hoặc tổ chức tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật		
	Tổng		

(*) Ghi chú: trường hợp trái phiếu được bảo đảm thanh toán một phần, chỉ báo cáo tương ứng phần giá trị trái phiếu có bảo đảm.

- Tài sản bảo đảm (*liệt kê chi tiết tài sản, giá trị tài sản, tên tổ chức định giá, cách tính, hợp đồng bảo đảm (nếu có), thông tin đăng ký biện pháp bảo đảm, thứ tự thanh toán của nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu khi xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ...*);

13. Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu.

II. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

Nêu rõ tên, mã số thuế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử của các tổ chức liên quan đến đợt chào bán: tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu; tổ chức đấu thầu, bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành (nếu có); tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có); ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi doanh

ng nghiệp mở tài khoản để nhận tiền mua trái phiếu của nhà đầu tư, tổ chức quản lý tài sản bảo đảm (nếu có), tổ chức xếp hạng tín nhiệm (nếu có)...

(Tên doanh nghiệp phát hành trái phiếu) cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác, đầy đủ của thông tin công bố nêu trên.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Xem tiếp Công báo số 1349 + 1350)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng